

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị H. Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị L và ông Lê D. Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Ngọc K.

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn N- Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Anh Hoàng Ngọc D, Hoàng Ngọc L, Hoàng Ngọc T, Hoàng Thị Ngọc T, Hoàng Thị L (các con bà Châu Thị H và ông Hoàng Ngọc K- anh D, anh L, anh T, chị L, chị T đã ủy quyền cho bà Châu Thị H).

+ Chị Lê Thị T, Lê Thị C, Lê Duy H (các con ông Lê D và bà Hoàng Thị L- chị T, chị C, anh H đã ủy quyền cho ông Lê D).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Theo kết quả đo đạc tại bản vẽ hiện trạng thửa đất giữa hai hai hộ gia đình ông Hoàng Ngọc K, bà Châu Thị H và ông Lê D, bà Hoàng Thị L thể hiện hộ gia đình ông Lê D bà Hoàng Thị L tại thửa đất số 976, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế có lần chiếm diện tích 635,2 m² của hộ gia đình ông Hoàng Ngọc K, bà Châu Thị H tại thửa đất số 905, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nay ông D, bà L đồng ý trả lại diện tích 635,2 m² đã lần chiếm cho bà Châu Thị H, ông Hoàng Ngọc K (có

bản vẽ kèm theo).

Đối với cây trồng trên phần diện tích lần chiếm 635,2m²: Ông D, bà L không yêu cầu bà H, ông K phải bồi thường số cây trồng ông D, bà L đã trồng. Bà H ông K, ông D bà L không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ông Lê D, bà L tự nguyện rút toàn bộ đơn yêu cầu phản tố đề ngày 20/7/2018 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Ngọc K bà Châu Thị H tại thửa đất số 905, tờ bản đồ số 05 tại Thôn H, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 08/12/2008.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí định giá tài sản là 9.300.000 đồng. Bà H và ông D thỏa thuận mỗi người chịu 1/2 chi phí định giá tài sản, tức mỗi người phải chịu 4.650.000 đồng. Bà H đã nộp đủ số tiền chi phí định giá tài sản 9.300.000 đồng, nay ông D có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho bà H số tiền chi phí định giá 4.650.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Giá trị phần diện tích lần chiếm là 635,2m² x 10.000đồng/m² = 6.352.000 đồng x 5% = 317.600 đồng. Do hòa giải thành nên các bên chỉ phải chịu 50% án phí là: 317.600 đồng x 50% = 158.800 đồng. Bà H thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm nêu trên. Bà H đã nộp 381.075 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 3499 ngày 25/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay được khấu trừ. Hoàn trả lại cho bà H số tiền: 222.275 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Lê D số tiền tạm ứng án phí (đối với yêu cầu phản tố) 300.000 đồng tại Biên lai thu số 3577 ngày 15/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT Huế;
- Cục THA Dân sự tỉnh TT Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Hưng Bính

